

Số: /BC-SYT

Đắk Lắk, ngày

tháng 01 năm 2022

BÁO CÁO NHANH

Tình hình phòng, chống dịch COVID-19

trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ngày 05/01/2022

(Từ 17h00 ngày 04/01/2022 đến 17h00 ngày 05/01/2022)

I. THÔNG TIN TÌNH HÌNH DỊCH

1. Tình hình ca mắc mới trong ngày

TT	Địa phương	Ca mới	Nơi phát hiện					Tích lũy ca mắc	DTTS	Xuất viện	Tử vong
			Cộng đồng	CL tại nhà	Khu cách ly	Khu PT	Sàng lọc				
1	TP.BMT	30	20	9	0	0	1	3348	882	3167	23
2	H. Lắk	37	0	0	0	37	0	756	631	429	0
3	H. Krông Bông	10	4	5	0	0	1	287	94	226	0
4	H. Krông Buk	2	1	1	0	0	0	967	820	878	6
5	H. Ea H'Leo	5	2	3	0	0	0	596	110	476	2
6	H. Krông Pắc	3	3	0	0	0	0	541	138	432	4
7	H. Krông Ana	31	28	2	0	0	1	922	541	621	3
8	H. Cư M'Gar	3	1	2	0	0	0	1345	711	1164	8
9	H. Ea Súp	9	5	4	0	0	0	251	90	144	1
10	H. M'Đrăk	9	5	4	0	0	0	171	71	107	0
11	H. Krông Năng	7	4	3	0	0	0	373	250	313	2
12	H. Ea Kar	10	6	0	4	0	0	480	193	302	0
13	H. Buôn Đôn	1	1	0	0	0	0	220	65	184	0
14	H. Cư Kuin	5	4	0	0	0	1	839	523	725	3
15	TX. Buôn Hồ	8	4	4	0	0	0	1359	607	1184	16
	TỔNG	170	88	37	4	37	4	12455	5726	10352	68

- Trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk tính đến ngày 05/01/2022 ghi nhận **12.455** trường hợp mắc COVID-19, trong đó có **10.352** trường hợp xuất viện, **68** trường hợp tử vong (01 trường hợp tử vong trong ngày), hiện còn điều trị **2.035** trường hợp.

- Tỷ lệ DTTS mắc COVID-19 trên toàn tỉnh chiếm **46%** số ca mắc

- Tỷ lệ mắc/100.000 dân trung bình của toàn tỉnh là **666,3/100.000** dân

- Toàn tỉnh có **5.878** tổ COVID cộng đồng đang hoạt động.

- Chi tiết một số chùm ca bệnh (theo phụ lục 1)

2. Tình hình cách ly, phong tỏa

a) Tình hình cách ly tập trung, cách ly tại nhà:

TT	Địa phương	Số trường hợp cách ly tập trung			Số trường hợp cách ly tại nhà		
		Mới	Tích lũy	Còn cách ly*	Mới	Tích lũy	Còn cách ly*
1	Tuyên tỉnh	0	0	2			
2	TP.BMT	0	65	41	100	528	877
3	TX. Buôn Hồ	0	12	9	57	250	906
4	H. Ea H'Leo	11	12	0	90	257	257
5	H. Krông Năng	0	0	0	27	170	168
6	H. Cư M'Gar	2	30	10	15	260	260
7	H. M'Đrăk	7	13	1	65	186	186
8	H. Ea Kar	3	25	178	226	487	929
9	H. Krông Pắc	0	2	2	186	438	438
10	H. Krông Bông	0	45	18	92	764	1429
11	H. Krông Ana	0	2	2	17	115	314
12	H. Cư Kuin	0	0	0	18	119	147
13	H. Lắk	0	0	34	49	165	548
14	H. Buôn Đôn	1	26	20	39	146	433
15	H. Ea Sup	0	0	0	452	462	462
16	H. Krông Buk	0	0	0	17	116	198
	TỔNG	24	232	317	1450	4463	7552

* Số đang cách ly tính cả từ năm 2021 chuyển qua

b) Khu vực phong tỏa:

- Số khu vực phong tỏa: 301 khu vực; đã giải tỏa: 259 khu vực
- Còn lại: 42 khu vực đang phong tỏa.

(Cập nhật chi tiết tại đường link <https://docs.google.com/spreadsheets/d/1FToKXiONnwUTEK7VqfBp22Rf71yBI7lxSDYjd2ZWtqo/edit#gid=644602066>)

c) Số lượng công dân từ vùng dịch trở về huyện, thị xã, thành phố

TT	Địa phương	Số người hôm qua	Số người hôm nay	Cộng dồn
1	TP.BMT	39	138	291
2	TX. Buôn Hồ	38	37	164
3	H. Ea H'Leo	23	54	211
4	H. Krông Năng	46	27	170
5	H. Cư M'Gar	27	27	163
6	H. M'Đrăk	12	19	92
7	H. Ea Kar	134	50	320
8	H. Krông Pắc	324	312	1282
9	H. Krông Bông	34	57	204
10	H. Krông Ana	32	30	159
11	H. Cư Kuin	11	8	85
12	H. Lắk	7	4	19
13	H. Buôn Đôn	0	0	46
14	H. Ea Sup	0	64	64
15	H. Krông Buk	2	0	2
	TỔNG	729	827	3272

3. Tình hình lấy mẫu xét nghiệm

TT	Địa phương	Test nhanh kháng nguyên				Xét nghiệm RT-PCR				
		Trong ngày		Tổng		Trong ngày		Tổng		Chờ kết quả
		Mới	Dương tính	Cộng dồn	Dương tính	Mới	Dương tính	Cộng dồn	Dương tính	
1	CDC*	0	0	62	0					
2	TP.BMT	334	33	843	180	0	0	0	0	0
3	TX. Buôn Hồ	78	7	129	12	0	0	0	0	0
4	H. EaH'Leo	169	45	8463	49	0	0	0	0	0
5	H.Krông Năng	0	0	82	6	0	0	0	0	0
6	H. Cư M'Gar	50	3	419	27	0	0	0	0	0
7	H. M'Đrăk	94	6	315	13	0	0	0	0	0
8	H. Ea Kar	272	6	1004	39	0	0	0	0	0
9	H. Krông Pắc	340	7	1350	36	0	0	0	0	0
10	H.Krông Bông	137	5	734	27	0	0	0	0	0
11	H. Krông Ana	114	10	667	71	0	0	0	0	0
12	H. Cư Kuin	42	4	124	12	3	0	3	0	3
13	H. Lắk	63	17	766	150	33	26	33	26	0
14	H. Buôn Đôn	161	1	559	10	0	0	0	0	0
15	H. Ea Sup	56	56	56	56	0	0	0	0	0
16	H. Krông Buk	0	0	106	33	0	0	0	0	0
	TỔNG	1910	200	15679	721	36	26	36	26	3

4. Hoạt động tiêm vắc xin COVID-19

Sở Y tế đã nhận 15 đợt vắc xin từ Bộ Y tế với 2.714.738 liều, trong đó:

- AstraZeneca : 714.950 liều
- Comirnaty: 948.228 liều
- Moderna: 61.320 liều
- Sinopharm: 990.240 liều

Kết quả tiêm vắc xin như sau:

TT	Nhóm đối tượng	Số đối tượng	Số tiêm trong ngày		Tỷ lệ tiêm chủng (%)		
			Mũi 1	Mũi 2	Mũi 1	Mũi 2	Mũi 3
1	ĐT 18 tuổi trở lên	1.259.298	222	777	96,8	86,0	0,03
2	ĐT từ 50 tuổi trở lên	361.984	0	0	89,0	52,2	0
3	ĐT từ 65 tuổi trở lên	103.549	0	0	84,8	50,5	0
4	PNCT $\geq$ 13 tuần	22.934	0	0	92,2	51,9	0
5	TE 15-17 tuổi	81.015	100	14.663	97,3	19,7	0
6	TE 12-14 tuổi	128.048	0	0	86,8	0,1	0

5. Công tác điều trị trong ngày

a) Tình hình biến động bệnh nhân trong ngày: Tổng số bệnh nhân COVID-19: 12.455 trường hợp, có 10.352 trường hợp ra viện, 68 trường hợp tử vong, hiện còn điều trị 2.035 trường hợp.

- Tại các cơ sở thu dung điều trị:

TT	Cơ sở điều trị	Số giường bệnh	Số BN của ngày hôm trước	Số BN ngày hôm nay	Trong đó				
					Mới	Chuyển tuyến trên	Chuyển tuyến dưới	Ra viện	Tử vong
1	BV Dã chiến 01	1000	649	650	53	2		50	0
2	BV Dã chiến 02	1500	481	588	81	0		66	0
3	TTYT Krông Búk	230	152	157	14	0	0	9	0
4	BV khu vực 333	300	198	198	8	0	0	8	0
5	BV Lao và Bệnh Phổi	100	78	84	8	0	0	7	0
6	BVĐK Vùng TN	92	51	51	2	0	0	2	0
	Tổng	3222	1609	1728	166	2	0	142	0

- Điều trị F0 tại nhà: tích lũy 165 trường hợp, 51 trường hợp khỏi bệnh, chuyển tuyến 02 trường hợp, hiện còn điều trị 112 trường hợp.

b) Phân loại tình trạng bệnh nhân

- Phân loại theo mức độ lâm sàng (n=1.728)

TT	Cơ sở điều trị	Không có biểu hiện lâm sàng	Mức độ nhẹ (VĐHH Cấp)	Mức độ vừa (Viêm phổi)	Mức độ nặng (Viêm phổi nặng)	Mức độ nguy kịch				Hội chứng viêm hệ thống liên quan COVID-19 TE
						ARDS	Nhiễm trùng huyết	Sốc nhiễm trùng	Khác	
1	BV Dã chiến 01	329	321	0	0	0	0	0	0	0
2	BV Dã chiến 02	384	204	0	0	0	0	0	0	0
3	TTYT Krông Búk	140	17	0	0	0	0	0	0	0
4	BV khu vực 333	42	156	0	0	0	0	0	0	0
5	BV Lao và Bệnh Phổi	0	0	76	8	0	0	0	0	0
6	BVĐK Vùng TN	4	18	5	20	4	0	0	0	0
	Tổng	899	716	81	28	4	0	0	0	0
	Tỷ lệ %	52.0	41.4	4.7	1.6	0.2	0.0	0.0	0.0	0.0

- Điều trị liên quan đến suy hô hấp (n=1.728)

TT	Cơ sở điều trị	Bình thường	Thở Oxy	HFNC	Thở máy không xâm nhập	Thở máy xâm nhập	ECMO
1	BV Dã chiến 01	650	0	0	0	0	0
2	BV Dã chiến 02	588	0	0	0	0	0
3	TTYT Krông Búk	157	0	0	0	0	0
4	BV khu vực 333	198	0	0	0	0	0
5	BV Lao và Bệnh Phổi	76	8	0	0	0	0
6	BVĐK Vùng TN	24	19	5	3	0	0
	Cộng	1693	27	5	3	0	0
	Tỷ lệ %	98.0	1.6	0.3	0.2	0.0	0.0

II. TÌNH HÌNH ĐIỀU ĐỘNG NHÂN SỰ

- Sở Y tế đang điều 275 nhân lực/ tổng 1.567 lượt điều động để phục vụ cho công tác phòng, chống dịch từ các đơn vị sự nghiệp trực thuộc và huy động giảng viên, sinh viên tình nguyện thuộc các cơ sở đào tạo khối ngành sức khỏe tham gia công tác phòng, chống dịch trên địa bàn (*Chi tiết tại phụ lục 2*).

Trên đây là báo cáo tình hình COVID-19 ngày 05/01/2022 của Sở Y tế./.

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Tỉnh ủy (báo cáo);
- UBND tỉnh (báo cáo);
- BCĐ PCD COVID-19 tỉnh (báo cáo);
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Ban Dân tộc tỉnh;
- Sở Thông tin và truyền thông;
- Giám đốc, các PGĐ Sở Y tế;
- Các tổ chức TMTH-CMNV Sở Y tế;
- Lưu: VT, NVYD.

Nay Phi La

Phụ lục 1: CHI TIẾT CÁC CHÙM CA BỆNH

TT	Chùm ca bệnh	F0	F1	F2
1	Liên quan chùm ca bệnh trong cộng đồng tại thôn Nam Hòa, Xã Dray Bhang, Cư Kuin.	17	-	-
2	Liên quan Fo Y Ngheo Mgiao tại buôn Drah 2, Cư Né, Krông Buk	55	-	-
3	Liên quan chùm ca bệnh cộng đồng, chưa rõ nguồn lây tại Buôn Mrông A, Mrông B, Mrông C, TDP 3A, 3B, 4- TT Ea Kar	112	-	-
4	Chùm ca bệnh tại Buôn Kõ Siêr, P. Tân Lập, BMT	3	-	-
5	Liên quan chùm ca bệnh tại thôn 1, 2, 3, 7, 11, 12, thôn 8, xã Ea Tiêu, Cư Kuin	41	-	-
6	Liên quan chùm ca bệnh tại thôn 22, 24, thôn 13, Ea Ning, Cư Kuin	13	-	-
7	Chùm ca bệnh liên quan BN điều trị nội trú tại BVĐK Vùng Tây Nguyên	58	-	-
8	Chùm ca bệnh cộng đồng tại buôn Tuôr A, Tuôr B, Xã Dray Sáp, Krông Ana	132	-	-
9	Liên quan chùm ca bệnh tại 221, 189/1/45 Mai Hắc Đế, Tân Thành, BMT	10	-	-
10	Liên quan chùm ca bệnh tại Buôn Dong Bắk, xã Yang Tao, Lăk. lây qua buôn Yok Đuôn	53	-	-
11	Liên quan chùm ca bệnh tại Pai Pi, xã Đăk Nuê, Lăk Fo Y Song Pang Ting. Lây sang buôn Mih, buôn Dham 2, buôn Kdie 1- Đăk Nuê	178	-	-
12	Chùm ca bệnh tại Thôn 1, 7,9, 11,thôn 12, Hòa Phú, BMT	22	-	-
13	Chùm ca bệnh tại buôn Dham, Xã Ea Bông, Krông Ana	76	-	-
14	Liên quan chùm ca bệnh tại Buôn Sut Mdrang, Thôn 2, 3 Cư Suê, Cư M'Gar	41	-	-
15	Chùm ca bệnh tại buôn Hwiê, buôn Cư Mblim, buôn Kao, thôn 4, thôn Tân Hưng - xã Ea Kao, BMT	65	-	-
16	Chùm ca bệnh tại TDP 1,3,4 ,5,6– TT Buôn Tráp – Krông Ana	35	-	-
17	Liên quan đến chùm ca bệnh Buôn Mgam, buôn Mlóc B, buôn Tai - xã Krông Jing, M'Đrăk	25	-	-
18	Chùm ca bệnh tại Buôn Cuê, Xã Băng Adrênh, Krông Ana. Lây sang buôn K62, Băng Adrênh.	64	-	-
19	Liên quan chùm ca bệnh tại Buôn Dur Kmal, xã Dur Kmal, Krông Ana.	21	-	-
20	Liên quan chùm ca bệnh tại buôn Ea Kruê, Ea Bông, Krông Ana	4	-	-
21	Liên quan chùm ca bệnh tại Cư Huê, Ea Kar	33	-	-
22	Liên quan chùm ca bệnh tại buôn Suk, buôn Tong Sinh, Xã Ea Đar, Ea Kar	15	-	-
23	Liên quan chùm xã Hòa Tân, Huyện Krông Bông, Đăk Lăk	28	-	-
24	Liên quan chùm ca bệnh tại buôn Ga, Xã Ea Kmút, Ea Kar	26	-	-
25	Liên quan chùm ca bệnh tại buôn Mùi 2, Cư Né, Krông Búk	41	-	-
26	Liên quan chùm ca bệnh thôn Đăk Rmút, Xã Krông Nô. Lăk	15	-	-
27	Liên quan chùm ca bệnh tại buôn Yol, Đăk Nuê, Lăk	51	-	-
28	Chùm ca bệnh tại thôn Quỳnh Tân 2, TT Buôn Tráp, Krông Ana	11	-	-
29	Liên quan chùm ca bệnh tại TDP2, TDP3, TDP5, Phường Tân Hòa, BMT	20	-	-
30	Chùm ca bệnh tại thôn 13, 14, Ea Tú, xã Pong Drang, Krông Buk	26	-	-
31	Chùm ca bệnh tại buôn Yon, Xã Bông Krang, Huyện Lăk	4	-	-
32	Chùm ca bệnh tại Cư Mlan, Ea Súp lây sang buôn Păn Lăm, P Tân Lập, BMT	12	-	-
33	Chùm ca bệnh tại chợ TT Ea Súp, Ea Súp	37	-	-
34	Chùm ca bệnh tại buôn Yông Hắt, Krông Nô, Lăk	102	-	-
35	Liên quan chùm ca bệnh tại KCN Hòa Phú, BMT	12	-	-
36	Chùm ca bệnh tại buôn Kala, xã Dray Sáp, Krông Ana	6	-	-
37	Liên quan chùm ca bệnh tại TT Krông Kmar, Krông Bông	7	-	-

Phụ lục 2: TÌNH HÌNH ĐIỀU ĐỘNG NHÂN SỰ

1) Các đơn vị đã tiếp nhận nhân lực điều động:

TT	Đơn vị tiếp nhận	Chủng loại									Tổng số đang điều động	Tổng số lượt điều động
		Bác sĩ	ĐD/ NHS /YS	Kỹ thuật viên	Dược sĩ	Hộ lý	Lái xe	Giảng viên. sinh viên	Tình nguyện viên	Nhân lực khác		
1	Bệnh viện Lao và Bệnh phổi	2	0								2	24
2	Bệnh viện Đa khoa vùng Tây Nguyên	3	5						11	1	20	20
3	Bệnh viện Dã chiến số 01 tỉnh Đắk Lắk	18	38	4	6	5	2		12	11	96	218
4	Bệnh viện Dã chiến số 02 tỉnh Đắk Lắk	13	25	2	2	3			8	6	59	71
5	Bệnh viện Dã chiến số 03 tỉnh Đắk Lắk											58
6	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh			5				5			10	36
7	Trung tâm Y tế thành phố Buôn Ma Thuột						2	10	17		29	618
8	Thành phố Hồ Chí Minh	5	5				0				10	14
9	Trung tâm Y tế thị xã Buôn Hồ	2	0	0	0			0		0	2	202
10	Trung tâm Y tế huyện Krông Búk	3	8	8				0	6		25	75
11	Khu cách ly Ký túc xá Trường ĐH Tây Nguyên	4	5				1				10	44
12	KCL Trường CĐ Công nghệ TN	4	6								10	10
13	Khu cách ly Trường Chính trị										0	21
14	Khu cách ly Dây nhà bồi dưỡng kiến thức quốc phòng an ninh đối tượng 3		1							1	2	2
15	Khu cách ly Trường Cao đẳng Y tế Đắk Lắk										0	8
16	KCL Phân hiệu Trường ĐH Luật Hà Nội tại Đắk Lắk										0	8
17	Viện Vệ sinh dịch tễ Tây Nguyên							0			0	28
18	Trường THPT DTNT N'Trang Long							0			0	70
19	Trường THCS Hòa Phú		0	0							0	40
TỔNG CỘNG		54	93	19	8	8	5	15	54	19	275	1567

2) Nhân lực tham gia điều động

TT	Đơn vị	Chủng loại									Tổng số đang điều động	Tổng số lượt điều động
		Bác sĩ	ĐD/ Nữ hộ sinh/Y sĩ	KTV	Dược sĩ	Hộ lý	Lái xe	Giảng viên. sinh viên	Tình nguyện viên	Nhân lực khác		
1	Y tế công lập	46	84	18	9	8	3	0	0	14	182	735
1.1	Sở Y tế	1									1	1
1.2	BVĐK vùng Tây Nguyên	10	6	1	3	1	0			0	21	81
1.3	BVĐKTP.Buôn Ma Thuột	10	17	1	0	1	1			5	35	85
1.4	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh	6	2	8						1	17	41
1.5	Trung tâm Y tế Buôn Đôn	1	2				0				3	24
1.6	Bệnh viện Y HCT		2		0	1				0	3	82
1.7	Trung tâm Y tế Cư M'gar	0	5	0							5	53
1.8	TT Kiểm nghiệm thuốc. mỹ phẩm. thực phẩm			5	3						8	9
1.9	TTYT huyện Ea Súp	0	1								1	8
1.10	TTYT huyện Lắk	3	4								7	16
1.11	TTYT huyện Krông Pắc	0	2								2	9
1.12	TTYT huyện Ea Kar	1	2	0							3	17
1.13	TTYT huyện Krông Búk						0				0	1
1.14	Trung tâm Da liễu						1				1	11
1.15	Bệnh viện Mắt Đắk Lắk		0								0	24
1.16	Bệnh viện Tâm thần	0	3			1					4	15
1.17	TTYT huyện Ea H'leo	1	2	0						0	3	46
1.18	TTYT huyện Krông Năng	0	2	0	0					0	2	28
1.19	TTYT huyện Krông Bông	3	5			1					9	18
1.20	TTYT huyện M'Drăk		3	1							4	4
1.21	TTYT huyện Krông Ana		0								0	2
1.22	BVĐK thị xã Buôn Hồ	2	4	0	0					0	6	33
1.23	TTYT huyện Cư Kuin	8	16	2	3	3	1			7	40	47
1.24	TTYT TP Buôn Ma Thuột		6					0		1	7	80
2	Bệnh viện tư nhân	2	0	0	0	0	0	0	0	0	2	22
2.1	BVĐK Thiện Hạnh	0									0	11
2.2	BV Nhi Đức Tâm	2									2	2
2.3	BVĐK Hòa Bình	0	0		0						0	9
3	Y tế tư nhân (Phòng khám đa khoa. Phòng khám chuyên khoa....)										0	0
4	Cán bộ y tế hưu trí										0	0
5	Trường ĐH, CĐ	0	0	0	0	0	0	15	0	0	15	696
5.1	Trường ĐH BMT										0	283
5.2	Trường ĐH Tây Nguyên							15			15	345
5.3	Trường Cao đẳng Y tế							0			0	68
6	Bệnh viện Bạch Mai	3	5							1	9	9
7	Sở Y tế TP Hồ Chí Minh						0				0	2
8	Tình nguyện viên								67		67	103
TỔNG CỘNG		51	89	18	9	8	3	15	67	15	275	1567